

Số: ~~117~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020”
thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ thực tế trên địa bàn thành phố Hà Nội và quy định của Chính phủ, Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018 - 2020” thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; UBND Thành phố báo cáo và đề nghị HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020”; cụ thể như sau:

I. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.
- Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 25/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.
- Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 16/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020”.
- Hướng dẫn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- Ngày 16/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1899/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020 quy định: “UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm nguồn lực tài chính cho phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” trên địa bàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 của tỉnh, thành phố, trình Hội đồng nhân dân phê duyệt”.

- Căn cứ Khoản 1, Phần I, Hướng dẫn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động

phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thống nhất chủ trương, phương hướng, biện pháp tổ chức, triển khai thực hiện Đề án của địa phương, trong đó nhấn mạnh việc khẩn trương xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố phê duyệt Kế hoạch “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại tỉnh/thành phố giai đoạn 2014 - 2020”.

- Nguồn lực chi cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2016 chủ yếu do các dự án tài trợ (chiếm 80,4% tổng nguồn kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2016). Theo lộ trình đến hết năm 2018, các dự án tài trợ sẽ cắt giảm, không hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS mà chuyển dần sang hình thức hỗ trợ gián tiếp thông qua việc hướng dẫn, phổ biến kiến thức về kỹ năng, chuyên môn kỹ thuật cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS dẫn đến khó khăn cho việc duy trì, triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Vì vậy, để đảm bảo duy trì bền vững và hiệu quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, góp phần hoàn thành chỉ tiêu Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố, việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020” là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của Nhà nước, Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích: Thành phố bảo đảm đầu tư các nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS phù hợp với diễn biến tình hình dịch HIV/AIDS, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của Thành phố; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS, trong đó tập trung đầu tư cho các hoạt động thiết yếu, mang tính bền vững, lâu dài, có hiệu quả cao bao gồm dự phòng và chăm sóc điều trị HIV/AIDS là chủ đạo.

2. Quan điểm: Thực hiện đúng quy định của pháp luật, Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

III. Phạm vi điều chỉnh, nội dung Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết

- Địa điểm: Trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Thời gian: Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2020.

2. Nội dung chính của Nghị quyết

2.1. Mục tiêu

a) **Mục tiêu chung:** Bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 tại thành phố Hà Nội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Huy động được các nguồn viện trợ quốc tế đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng chi phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào năm 2020.

- Huy động tối thiểu 80% doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp theo cơ chế, chính sách của Nhà nước vào năm 2020.

- Hàng năm, ngoài các nguồn huy động, ngân sách Thành phố bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo Kế hoạch của Trung ương và Thành phố.

- Đảm bảo 100% số người nhiễm HIV có thể Bảo hiểm y tế được chi trả theo quy định vào năm 2020.

- Tăng nguồn thu từ một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS để tự cân đối thu - chi cho các hoạt động của dịch vụ này.

- Đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí huy động được theo các quy định hiện hành.

2.2. Định hướng các giải pháp chủ yếu

a) Nhóm giải pháp về huy động kinh phí

- Tăng cường vận động sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thiết yếu, có hiệu quả và bền vững.

- Phát huy vai trò chủ động và trách nhiệm của địa phương, đơn vị trong việc bố trí kinh phí ngân sách cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS gồm:

- Huy động sự tham gia đóng góp kinh phí của các doanh nghiệp cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Tăng cường nguồn đóng góp của người sử dụng dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS bằng việc chi trả các dịch vụ dự phòng, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS.

- Đảm bảo nguồn chi trả của Bảo hiểm y tế đối với các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của Bộ Y tế.

b) Nhóm giải pháp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí

*** Điều phối, phân bổ nguồn lực**

- Đảm bảo tập trung, thống nhất các nguồn kinh phí huy động được tại cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS để đảm bảo phân bổ, sử dụng hiệu quả, tránh chồng chéo.

- Xây dựng tiêu chí và cơ cấu phân bổ nguồn kinh phí phù hợp đặc điểm và tình hình nhiễm HIV, địa lý của UBND các quận, huyện, thị xã. Tập trung ưu tiên kinh phí phân bổ cho nhiệm vụ dự phòng và điều trị HIV/AIDS.

- Xây dựng lộ trình tiếp nhận các hoạt động và dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS có hiệu quả sau khi các dự án ngừng hỗ trợ kinh phí.

*** Kiểm tra, giám sát việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

- Tăng cường vai trò giám sát của Ban Chỉ đạo phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm Thành phố, các quận, huyện, thị xã, Sở, ban,

ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các giải pháp huy động, quản lý sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Định kỳ cơ quan tài chính và kế hoạch đầu tư phối hợp cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS tiến hành kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính các chương trình, dự án và tại các cơ quan, đơn vị tham gia phòng, chống HIV/AIDS.

c) Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý chương trình nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí

- Củng cố, kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS nhằm tăng cường điều phối tập trung và có hiệu quả các nguồn kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Thực hành tiết kiệm chi tiêu phòng, chống HIV/AIDS. Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm chi tiêu phòng, chống HIV/AIDS tại các đơn vị.

- Lồng ghép hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào hệ thống y tế Nhà nước hiện có, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và một số phong trào, cuộc vận động quần chúng tại địa phương, đơn vị.

2.3 Nguyên tắc và phương pháp xác định nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2018 - 2020 của thành phố Hà Nội

a) Nguyên tắc xác định:

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2018 - 2020 xây dựng dựa trên nguyên tắc đảm bảo duy trì tối thiểu các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố đã được triển khai trong giai đoạn 2008 - 2017 và bổ sung các hoạt động cần thiết cấp bách khi có sự chỉ đạo của cơ quan Trung ương; đồng thời, bám sát Hướng dẫn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế.

b) Phương pháp xác định tổng nhu cầu:

Căn cứ các nội dung của hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bao gồm 04 (bốn) đề án của Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS, cụ thể:

- Đề án Dự phòng lây nhiễm HIV bao gồm các chương trình: Thông tin, giáo dục, truyền thông; tiếp cận cộng đồng; Methadone; tư vấn xét nghiệm HIV.

- Đề án Chăm sóc và điều trị toàn diện HIV/AIDS: Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; điều trị lao/HIV; chăm sóc điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội (OI) cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS; điều trị ARV.

- Đề án Tăng cường năng lực bao gồm: Năng lực tổ chức, điều hành và phân tích chính sách; Tăng cường năng lực đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược; Tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực phòng chống HIV/AIDS; Tăng cường năng lực cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật tư và trang thiết bị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Đề án Theo dõi, giám sát, đánh giá bao gồm: Giám sát phát hiện HIV; Giám sát trọng điểm HIV; Giám sát trọng điểm STI; Giám sát trọng điểm lồng ghép hành

vi; Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm; Điều tra, giám sát chuyên biệt; Theo dõi và đánh giá...

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013, nhu cầu kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018 - 2020 được xác định trên cơ sở tính toán đối với từng hoạt động cụ thể của từng đề án nêu trên nhân với độ bao phủ của các hoạt động và mức lạm phát khoảng 5%¹.

c) Nguyên tắc bố trí và huy động các nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách Trung ương: Trong giai đoạn 2008 - 2015, ngân sách Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hà Nội để thực hiện các mục tiêu, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2015. Tuy nhiên, đến năm 2016, Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đã kết thúc. Ngày 31/7/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020; trong đó, hoạt động phòng, chống HIV/AIDS chỉ là một trong những nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, nên kinh phí Trung ương bổ sung cho Thành phố để thực hiện các hoạt động phòng chống HIV/AIDS sẽ giảm nhiều so với giai đoạn 2008 - 2015. Theo đó, dự kiến, ngân sách Trung ương sẽ đảm bảo một phần kinh phí cho các hoạt động của Đề án thông qua Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên cơ sở số kinh phí thực tế đã bố trí cho thành phố Hà Nội năm 2016.

- Nguồn viện trợ quốc tế: Giai đoạn 2017 - 2018, kinh phí được bố trí căn cứ trên kế hoạch kinh phí cho các hoạt động: Dự phòng, chăm sóc điều trị, tăng cường năng lực và theo dõi giám sát đã được ký kết giữa các nhà tài trợ và Ban quản lý các dự án phòng chống HIV/AIDS đang triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội. Giai đoạn 2019 - 2020, kinh phí được xây dựng trên cơ sở kết quả thực tế huy động trong các năm qua, dự kiến khả năng có thể huy động được từ các dự án mới và phần đầu đạt được mục tiêu tổng nguồn huy động viện trợ quốc tế giai đoạn 2018 - 2020 đạt được khoảng 20% tổng kinh phí theo Kế hoạch đề ra.

- Nguồn Bảo hiểm y tế: Được tính toán trên cơ sở dự kiến số người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ điều trị HIV/AIDS được Bảo hiểm y tế chi trả với tỷ lệ tăng dần qua các năm và mục tiêu đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100% số người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ điều trị HIV/AIDS.

- Nguồn từ người dân tự chi trả: Được tính toán trên cơ sở kinh phí người dân phải chi trả cho các hoạt động dự phòng (đối với những đối tượng điều trị Methadone không được ngân sách nhà nước đảm bảo và hỗ trợ kinh phí) và kinh

¹ Ví dụ: Chi phí can thiệp giảm tác hại cho nhóm nghiện chích ma túy năm 2017 là 1.207.000 đồng/người/năm, tỷ lệ lạm phát 5%, Số lượng người nghiện chích ma túy năm 2018 là 12.402, độ bao phủ năm 2018 là 80%. Như vậy, Ước tính kinh phí tiếp cận cộng đồng cho nhóm nghiện chích ma túy năm 2018 (đề án dự phòng) là: 1.207.000 x 1,05 x 12.402 x 80% = 12.574.000 đồng

phí chăm sóc, điều trị HIV/AIDS (phần kinh phí đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải đồng chi trả và các đối tượng chưa tham gia bảo hiểm y tế).

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp: Được tính toán trên cơ sở kinh phí doanh nghiệp có khả năng hỗ trợ cho các hoạt động dự phòng (truyền thông, tư vấn xét nghiệm...), phấn đấu đạt 15% tổng nhu cầu kinh phí cho hoạt động dự phòng.

- Nguồn ngân sách Thành phố: Ngoài nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn huy động nêu trên, ngân sách Thành phố sẽ bố trí kinh phí để đảm bảo các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018 - 2020 (hoạt động dự phòng: kinh phí điều trị Methadone cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đảm bảo, các hoạt động dự phòng khác, kinh phí tăng cường năng lực và theo dõi, giám sát, đánh giá) trên cơ sở kinh phí đã bố trí cho giai đoạn 2008 - 2017 và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của đề án đã được duyệt.

2.4. Kinh phí thực hiện

Nhu cầu kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS được xác định trên cơ sở tính toán hoạt động cụ thể của từng đề án, nhân với độ bao phủ của các hoạt động và mức lạm phát khoảng 5% mỗi năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại văn bản số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013.

Tổng kinh phí dự kiến cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020 là 488.566 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phương án đảm bảo tài chính đính kèm)

3. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1: Thông qua nội dung về việc bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020.

(1) Mục tiêu

(2) Định hướng các giải pháp chủ yếu

(3) Kinh phí thực hiện Đề án

Điều 2: Tổ chức thực hiện

4. Thời gian đề nghị HĐND Thành phố xem xét, thông qua

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 5 HĐND Thành phố khóa XV và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

5. Tổ chức thực hiện

UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện triển khai thi hành và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND, các tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

6. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Nghị quyết được triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn Thành phố biết và thực hiện.

- Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết: Cần đẩy mạnh, quy định cụ thể hoạt động giám sát của HĐND Thành phố và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của UBND Thành phố.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020” thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. UBND Thành phố gửi kèm Bản thuyết minh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020”.

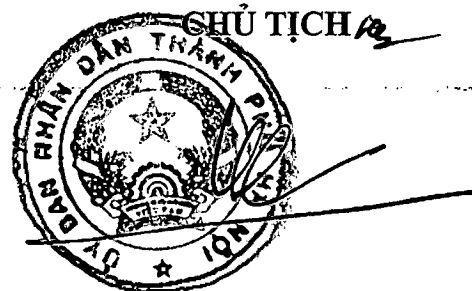
UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố khóa XV - kỳ họp thứ 5 xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Các Sở: YT, TC, KH&ĐT, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- phòng: KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX_(Tue)

39015 (55)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Đức Chung





PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH

GÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2018 – 2020

(Kèm theo Tờ trình số 177/TT-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2018-2020	Giải trình
I	Tổng nhu cầu kinh phí cần đáp ứng	138.749	164.770	185.047	488.566	
1	Dự phòng	61.142	64.878	68.989	195.009	
1.1	Thông tin, giáo dục truyền thông (bao gồm tổ chức các sự kiện nhân tháng hành động quốc gia PC HIV/AIDS, tháng lây truyền mẹ con, truyền truyền trên báo, đài truyền hình...)	2.804	2.959	3.119	8.882	Kinh phí tính toán dựa trên nội dung của từng hoạt động. Tập trung kinh phí cho các hoạt động truyền thông trên truyền hình Hà Nội và tổ chức 2 sự kiện gồm: tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS (từ 10/11 đến 10/12 hàng năm) và tháng dự phòng lây truyền mẹ sang con (tháng 6 hàng năm). Chi tiết tại phụ lục 1.1

1.2	Tư vấn, xét nghiệm HIV (bao gồm chi phí xét nghiệm HIV cho khách hàng và duy trì phòng tư vấn xét nghiệm)	2.064	2.832	3.828	8.724	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người sử dụng dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV theo từng năm nhân với chi phí của từng dịch vụ, cụ thể: + Năm 2018= (25760 người âm tính với HIV x 75.000đ/người) + (1007 người dương tính với HIV x 187.000đ/người) + Năm 2019= (33856 người âm tính với HIV x 79.000đ/người) + (1058 người dương tính với HIV x 196.000đ/người) + Năm 2020= (43801 người âm tính với HIV x 83.000đ/người) + (1110 người dương tính với HIV x 206.000đ/người). <i>Chi tiết theo phụ lục 1.2</i>
1.3	Can thiệp cho nhóm nghiện chích ma túy	11.655	12.237	12.849	36.741	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người nghiện chích ma túy được quản lý theo từng năm nhân với chỉ tiêu can thiệp cho nhóm nghiện chích ma túy nhân với chi phí dịch vụ can thiệp cho 1 người chích ma túy/năm, cụ thể: + Năm 2018= 12100 người x 80% x 1.204.000đ/người/năm + Năm 2019= 12.100 người x 80% x 1.264.000đ/người/năm + Năm 2020= 12.100 người x 80% x 1.327.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 1.3</i> * Giải thích: Kinh phí cho hoạt động can thiệp cho nhóm người nghiện chích bao gồm: chi phí cho đồng đảng viên tiếp cận đối tượng nghiện chích ma túy giới thiệu đi xét nghiệm HIV, cấp phát bơm kim tiêm, tài liệu truyền thông cho người nghiện chích ma túy, tập huấn cho đồng đảng viên, dụng cụ phục vụ hoạt động can thiệp...

1.4	Can thiệp cho gái mại dâm và nam đồng tính (bao gồm chi phí cho đồng đẳng viên tiếp cận đối tượng gái mại dâm và nam đồng tính đi xét nghiệm HIV, cấp phát bao cao su, chất bôi trơn, tài liệu truyền thông...)	4.812	5.053	5.306	15.171	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng gái mại dâm (PNMD) và nam đồng tính (MSM) ước tính nhân với chỉ tiêu can thiệp cho nhóm gái mại dâm và nam đồng tính nhân với chi phí dịch vụ can thiệp cho 1 người gái mại dâm và nam đồng giới/năm, cụ thể: - Năm 2018=3000 PNMD x 65% x 1124.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 618.000đ/người/năm - Năm 2019=3000 PNMD x 65% x 1.180.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 649.000đ/người/năm - Năm 2020=3000 PNMD x 65% x 1.239.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 681.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 1.3</i>
1.5	Kinh phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone (bao gồm chi phí mua thuốc và vận hành cơ sở điều trị)	39.807	41.797	43.887	125.491	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người cần điều trị Methadone mỗi năm nhân với chi phí cho 1 người điều trị Methadone/năm nhân. - Năm 2018=6500 người x 6.124.100 đồng/người/năm - Năm 2019=6500 người x 6.430.310 đồng/người/năm - Năm 2020=6500 người x 6.751.820 đồng/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục số 1.4</i>
2	Chăm sóc điều trị	70.263	90.402	105.600	266.265	

2.1	Điều trị người nhiễm HIV/AIDS (ART) (bao gồm thuốc ARV, thuốc nhiễm trùng cơ hội, xét nghiệm theo dõi điều trị, tập huấn cho hệ thống chăm sóc điều trị HIV/AIDS)	59.594	78.365	91.555	229.514	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người sử dụng dịch vụ điều trị ARV theo từng phác đồ theo từng năm nhân với chi phí dịch vụ theo từng phác đồ, cụ thể: - Năm 2018= 8082 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 4.555.000đ/người/năm + 580 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 19.990.000 đ/người/năm + 62 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 6.850.000 đ/người + 16 Trẻ em điều trị ART bậc 2 x 26.095.000đ/người+ 8.733 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác - Năm 2019 = 9839 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 4.783.000đ/người/năm + 794 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 20.990.000 đ/người/năm + 85 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 7.193.000 đ/người + 25 trẻ em điều trị ART bậc 2 x 27.400.000đ/người+ 11504 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác - Năm 2020 = 11126 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 5.022.000đ/người/năm + 900 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 22.039.000 đ/người/năm + 110 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 7.552.000 đ/người + 30 Trẻ em điều trị ART bậc 2 x 28.770.000đ/người+ 12008 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác <i>Chi tiết theo phụ lục 2.1</i>
-----	---	--------	--------	--------	---------	--

2.2	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	10.557	11.919	13.921	36.397	* Kinh phí tính toán dựa trên số phụ nữ mang thai (PNMT) và phụ nữ mang thai nhiễm HIV sử dụng dịch vụ theo từng năm nhân với chi phí của từng dịch vụ, cụ thể: - Năm 2018= 139.230 PNMT x 71.700đ/PNMT/năm + 87 PNMT nhiễm HIV x 6.587.000đ/người/năm - Năm 2019= 149.940 PNMT x 75.300đ/PNMT/năm + 91 PNMT nhiễm HIV x 6.916.000đ/người/năm - Năm 2020= 167.276 PNMT x 79.000đ/PNMT/năm + 96 PNMT nhiễm HIV x 7.262.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 2.2</i> * Giải thích: Dịch vụ cho PNMT gồm: XN HIV, TV HIV và tư vấn dự phòng lây truyền mẹ con; Dịch vụ cho PNMT nhiễm HIV: XN khẳng định HIV, thuốc ARV cho mẹ và con, XN PCR cho con, sữa....
2.3	Điều trị Lao/HIV	112	118	124	354	* Kinh phí tính toán dựa trên số bệnh nhân cần điều trị lao HIV theo từng năm với chi phí cho 1 người điều trị dự phòng lao/HIV, cụ thể: - Năm 2018= 150 người cần điều trị lao/HIV x 453.000đ/người/năm + chi phí khác - Năm 2019= 150 người cần điều trị lao/HIV x 476.000đ/người/năm + chi phí khác - Năm 2020= 150 người cần điều trị lao/HIV x 499.000đ/người/năm + chi phí khác <i>Chi tiết theo phụ lục 2.3</i> * Giải thích: Kinh phí bao gồm: Công khám, chụp XQ phổi, Soi đờm tìm BK, Nuôi cấy định danh. Chi tính trên số lượng người vừa bị nhiễm HIV và bị nhiễm lao

3	Tăng cường năng lực (bao gồm: Tăng cường năng lực cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật (Tập huấn cho các đơn vị về lập kế hoạch, xác định nhu cầu thuốc điều trị ARV, methadone...; mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV) ; Tăng cường Năng lực tổ chức, điều hành và phân tích chính sách (gồm giao ban, kiểm tra giám sát, khen thưởng BCĐ...); Tăng cường năng lực đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược (VPP, tài liệu, xăng xe phục vụ chương trình, hội nghị hội thảo huy động nguồn lực); tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực phòng, chống HIV/AIDS (bao gồm các hoạt động đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo về nguồn nhân lực)	5.545	7.601	8.475	21.621	Kinh phí được tính toán theo từng hoạt động cụ thể theo từng năm: Năm 2018= 6555 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... Năm 2019= 9839 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... Năm 2020= 11126 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... <i>Chi tiết theo phụ lục 3</i>
4	Theo dõi giám sát (bao gồm các hoạt động giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm, giám sát trọng điểm lồng ghép hành vi, theo dõi và đánh giá...)	1.799	1.889	1.983	5.671	Kinh phí tính toán theo từng hoạt động cụ thể của từng năm. <i>Chi tiết theo phụ lục 4</i>
II	Kinh phí có khả năng bố trí và huy động	138.749	164.770	185.047	488.566	

1	NSNN Trung ương	453	474	499	1.426	Ngân sách Trung ương sẽ đảm bảo một phần kinh phí cho các hoạt động của Đề án thông qua Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên cơ sở số kinh phí thực tế đã bố trí cho Thành phố Hà Nội năm 2016.
	Dự phòng	189	198	208	595	
	Chăm sóc điều trị	196	205	216	617	
	Theo dõi giám sát	68	71	75	214	
2	Ngân sách địa phương	22.173	25.937	28.031	76.141	Ngoài nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn huy động nêu trên, ngân sách Thành phố sẽ bố trí kinh phí để đảm bảo các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020 trên cơ sở kinh phí đã bố trí cho giai đoạn 2008-2017 và khả năng cân đối ngân sách.
	Dự phòng	18.553	21.195	22.855	62.603	Chi mua thuốc Methadone, chi phí dịch vụ điều trị Methadone cho các đối tượng được ngân sách đảm bảo kinh phí, chi cho hoạt động truyền thông và một phần các hoạt động can thiệp và tư vấn xét nghiệm.
	Chăm sóc điều trị	732	1.532	1.756	4.020	Chi cho đào tạo, tập huấn, giao ban, kiểm tra giám sát... chương trình chăm sóc điều trị
	Tăng cường năng lực	1.404	1.651	1.784	4.839	Chi mua thẻ BHYT bệnh nhân HIV/AIDS thuộc các đối tượng chính sách được nhà nước hỗ trợ mua thẻ, VPP, tài liệu, xăng xe phục vụ chương trình và đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo ...

	Theo dõi giám sát	1.484	1.559	1.636	4.679	Chi thực hiện giám sát phát hiện HIV, giám sát trọng điểm
3	Viện trợ quốc tế	62.377	35.061	37.002	134.440	Kinh phí được bố trí căn cứ trên kế hoạch kinh phí cho các hoạt động: dự phòng, chăm sóc điều trị, tăng cường năng lực và theo dõi giám sát đã được ký kết giữa các nhà tài trợ và Ban quản lý các dự án phòng chống HIV/AIDS đang triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội (Kinh phí đã cam kết của dự án quỹ toàn cầu giai đoạn 2018-2020 và chương trình PEPFAR hết năm 2018)
	Dự phòng	17.411	14.823	15.800	48.034	
	Chăm sóc điều trị	44.966	20.238	21.202	86.406	
4	Bảo hiểm y tế	12.650	46.965	56.895	116.510	
	Chăm sóc điều trị	12.650	46.965	56.895	116.510	Căn cứ vào số lượng bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ chăm sóc và điều trị HIV/AIDS theo từng năm được bảo hiểm y tế chi trả theo quy định
5	Doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác	6.044	14.015	16.263	36.322	
	Chăm sóc điều trị	1.656	7.806	9.300	18.762	Hỗ trợ đồng chi trả 20% thuốc ARV cho bệnh nhân điều trị thông qua quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS

	Tăng cường năng lực	4.141	5.950	6.691	16.782	Hỗ trợ mua thẻ cho bệnh nhân HIV/AIDS không thuộc diện nhà nước hỗ trợ thông qua quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS
	Theo dõi giám sát	247	259	272	778	Hỗ trợ triển khai GSTĐ STI và GSTĐ lồng ghép hành vi từ viện VSDT TW và bệnh viện đa liễu TW
6	Người dân tự chi trả	35.052	42.318	46.357	123.727	
	Dự phòng	24.989	28.662	30.126	83.777	Được tính toán trên cơ sở bệnh nhân điều trị Methadone phải chi trả phí dịch vụ khi tham gia điều trị tại các cơ sở Methadone và các dịch vụ tiếp thị xã hội bao cao su, bơm kim tiêm và tư vấn xét nghiệm HIV
	Chăm sóc điều trị	10.063	13.656	16.231	39.950	Được tính toán trên cơ sở bệnh nhân HIV/AIDS tham gia điều trị HIV/AIDS phải đồng chi trả các dịch vụ chăm sóc điều trị HIV/AIDS ngoài mức quy định của BHYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020”
thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố**

*(Báo cáo kèm theo Tờ trình số ~~177~~/TTr-UBND ngày 20/11/2017
của UBND thành phố Hà Nội)*

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Kể từ trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện tại Hà Nội vào năm 1993, tính đến ngày 31/12/2016, số người nhiễm HIV/AIDS đang còn sống là 19.139 người, số bệnh nhân AIDS còn sống là 9.154 người và số bệnh nhân nhiễm HIV đã tử vong là 4.595 người. Công tác đảm bảo tài chính để triển khai các hoạt động truyền thông, can thiệp dự phòng, điều trị đã có hiệu quả tốt, tác động không chế, không cho dịch HIV/AIDS lây lan như những năm trước năm 2008 và đạt được những kết quả như:

- Số người mới được phát hiện nhiễm HIV hàng năm giảm mạnh, năm 2008 là 2.476 người, năm 2011 là 1.549 người và năm 2016 còn 676 người.

- Số người nhiễm HIV chuyển qua giai đoạn AIDS giảm từ 1.258 người (năm 2008) xuống 518 người (năm 2016).

- Số người nhiễm HIV tử vong qua các năm cũng giảm mạnh, năm 2009 là 544 người, năm 2010 là 175 người và năm 2016 là 72 người tử vong do AIDS.

Ngày 16/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1899/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020. Tại Điểm k, Khoản 5, Điều 1, Quyết định số 1899/QĐ-TTg quy định: “UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm nguồn lực tài chính cho phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” trên địa bàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 của tỉnh, thành phố, trình Hội đồng nhân dân phê duyệt”.

Ngày 18/12/2013, Bộ Y tế ban hành văn bản số 999/HD-BYT hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại Khoản 1, Phần I, Hướng dẫn số 999/HD-BYT quy định: Thống nhất chủ trương, phương hướng, biện pháp tổ chức, triển khai thực hiện Đề án của địa phương, trong đó nhấn mạnh việc khẩn trương xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố phê duyệt

Kế hoạch “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại tỉnh/thành phố giai đoạn 2014 - 2020”.

Nguồn lực chỉ cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2016 chủ yếu do các dự án tài trợ (chiếm 80,4% tổng nguồn kinh phí chỉ cho hoạt động chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2016). Theo lộ trình đến hết năm 2018, các dự án tài trợ sẽ cắt giảm, không hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS mà chuyển dần sang hình thức hỗ trợ gián tiếp thông qua việc hướng dẫn, phổ biến kiến thức về kỹ năng, chuyên môn kỹ thuật cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS dẫn đến khó khăn cho việc duy trì, triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS. Do vậy, để đảm bảo duy trì bền vững và hiệu quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, góp phần hoàn thành chỉ tiêu Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 thì ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020” là cần thiết.

II. Căn cứ ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
- Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 25/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.
- Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 16/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020.
- Hướng dẫn số 999/HĐ-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

III. Quá trình xây dựng

UBND Thành phố giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020.

Sở Y tế đã chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố, tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành Thành phố, các đơn vị khám bệnh, chữa bệnh, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Tập thể UBND Thành phố đã họp thông qua Tờ trình và dự thảo Nghị quyết ngày 27/10/2017. Trên cơ sở ý kiến góp ý tại Hội nghị, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố, dự thảo Tờ trình UBND Thành phố trình HĐND Thành phố.

IV. Nội dung chính Nghị quyết

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung: Bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 tại thành phố Hà Nội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Huy động được các nguồn viện trợ quốc tế đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng chi phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào năm 2020.

- Huy động tối thiểu 80% doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp theo cơ chế, chính sách của Nhà nước vào năm 2020.

- Hàng năm, ngoài các nguồn huy động, ngân sách Thành phố bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo Kế hoạch của Trung ương và Thành phố.

- Đảm bảo 100% số người nhiễm HIV có thẻ Bảo hiểm y tế được chi trả theo quy định vào năm 2020.

- Tăng nguồn thu từ một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS để tự cân đối thu - chi cho các hoạt động của dịch vụ này.

- Đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí huy động được theo các quy định hiện hành.

2. Định hướng các giải pháp chủ yếu

a) Nhóm giải pháp về huy động kinh phí

- Tăng cường vận động sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thiết yếu, có hiệu quả và bền vững.

- Phát huy vai trò chủ động và trách nhiệm của địa phương, đơn vị trong việc bố trí kinh phí ngân sách cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS gồm:

Tăng cường bố trí kinh phí của Thành phố cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Lồng ghép các nội dung về nhu cầu nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS vào các hội thảo thu hút tài trợ, kêu gọi đầu tư của Thành phố.

Tăng tính chủ động của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn trong việc huy động và bố trí kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi quản lý.

Vận động kêu gọi và đa dạng hóa các nguồn viện trợ quốc tế, thu hút các nhà tài trợ mới, đối tác mới thông qua cơ chế hợp tác song phương và đa phương.

Đưa mục tiêu, nhiệm vụ phòng, chống HIV/AIDS là một trong những mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế xã hội; tiên tiến đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thành hoạt động thường xuyên, liên tục trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị; hàng năm bố trí kinh phí thường xuyên duy trì hoạt động tại địa phương.

- Huy động sự tham gia đóng góp kinh phí của các doanh nghiệp cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Xây dựng và ban hành các văn bản về vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc phân bổ kinh phí hàng năm cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS cho người lao động trên địa bàn Thành phố theo quy định.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc.

Vận động, khuyến khích các tổ chức xã hội, tổ chức dựa vào cộng đồng huy động các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí, tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- Tăng cường nguồn đóng góp của người sử dụng dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS bằng việc chi trả các dịch vụ dự phòng, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS.

Nâng cao chất lượng dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS hiện có tại Trung tâm y tế các quận, huyện, thị xã, bệnh viện và huy động sự đóng góp của người bệnh triển khai dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở.

Thiết lập và mở rộng các mô hình cung cấp dịch vụ hiệu quả, chi phí thấp. Mở rộng các hình thức cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS, tạo điều kiện cho người nhiễm HIV được tiếp cận sớm các dịch vụ này.

Phối hợp các Sở, Ban, ngành, đoàn thể và UBND các quận, huyện, thị xã mở rộng triển khai tiếp thị xã hội bao cao su, bơm kim tiêm và các vật tư phòng, chống HIV/AIDS.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa chương trình điều trị Methadone theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Đảm bảo nguồn chi trả của Bảo hiểm y tế đối với các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của Bộ Y tế.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS tham gia Bảo hiểm y tế, mở rộng độ bao phủ Bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

Hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ điều trị HIV/AIDS phù hợp điều kiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm nhằm đẩy mạnh sự tham gia chi trả của Bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ điều trị HIV/AIDS.

b) Nhóm giải pháp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí

*** Điều phối, phân bổ nguồn lực**

- Tập trung, thống nhất các nguồn kinh phí huy động được tại cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS để đảm bảo phân bổ, sử dụng hiệu quả, tránh chồng chéo.

- Xây dựng tiêu chí và cơ cấu phân bổ nguồn kinh phí phù hợp đặc điểm và tình hình nhiễm HIV, địa lý của UBND các quận, huyện, thị xã. Tập trung ưu tiên kinh phí phân bổ cho nhiệm vụ dự phòng và điều trị HIV/AIDS.

- Xây dựng lộ trình tiếp nhận các hoạt động và dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS có hiệu quả sau khi các dự án ngừng hỗ trợ kinh phí.

** Kiểm tra, giám sát việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực*

- Tăng cường vai trò giám sát của Ban Chỉ đạo phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm Thành phố, các quận, huyện, thị xã, Sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các giải pháp huy động, quản lý sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Định kỳ cơ quan tài chính và kế hoạch đầu tư phối hợp cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS tiến hành kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính các chương trình, dự án và tại các cơ quan, đơn vị tham gia phòng, chống HIV/AIDS.

c) Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý chương trình nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí

- Củng cố, kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS nhằm tăng cường điều phối tập trung và có hiệu quả các nguồn kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Thực hành tiết kiệm chi tiêu phòng, chống HIV/AIDS. Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm chi tiêu phòng, chống HIV/AIDS tại các đơn vị.

- Lồng ghép hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào hệ thống y tế Nhà nước hiện có, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và một số phong trào, cuộc vận động quần chúng tại địa phương, đơn vị.

3. Nguyên tắc và phương pháp xác định nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2018 - 2020 của thành phố Hà Nội

a. Nguyên tắc xác định:

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2018 - 2020 xây dựng dựa trên nguyên tắc đảm bảo duy trì tối thiểu các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố đã được triển khai trong giai đoạn 2008 - 2017 và bổ sung các hoạt động cần thiết cấp bách khi có sự chỉ đạo của Trung ương; đồng thời bám sát Hướng dẫn số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013 của Bộ Y tế.

b. Phương pháp xác định tổng nhu cầu:

Căn cứ các nội dung của hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bao gồm 04 (bốn) đề án của Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS, cụ thể:

- Đề án Dự phòng lây nhiễm HIV bao gồm các chương trình: thông tin, giáo dục, truyền thông; tiếp cận cộng đồng; Methadone; tư vấn xét nghiệm HIV.

- Đề án Chăm sóc và điều trị toàn diện HIV/AIDS: Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; điều trị lao/HIV; chăm sóc điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội (OI) cho người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS; điều trị ARV.

- Đề án Tăng cường năng lực bao gồm: Năng lực tổ chức, điều hành và phân tích chính sách; Tăng cường năng lực đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược; Tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực phòng chống

HIV/AIDS; Tăng cường năng lực cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Đề án Theo dõi, giám sát, đánh giá bao gồm: Giám sát phát hiện HIV; Giám sát trọng điểm HIV; Giám sát trọng điểm STI; Giám sát trọng điểm lồng ghép hành vi; Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm; Điều tra, giám sát chuyên biệt; Theo dõi và đánh giá...

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế tại văn bản số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013, nhu cầu kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018 - 2020 được xác định trên cơ sở tính toán đối với từng hoạt động cụ thể của từng đề án nêu trên nhân với độ bao phủ của các hoạt động và mức lạm phát khoảng 5%¹.

c. Nguyên tắc bố trí và huy động các nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách Trung ương: Trong giai đoạn 2008 - 2015, ngân sách Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hà Nội để thực hiện các mục tiêu, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2008 - 2015. Tuy nhiên, đến năm 2016, Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đã kết thúc. Ngày 31/7/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, trong đó hoạt động phòng, chống HIV/AIDS chỉ là một trong những nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, nên kinh phí Trung ương bổ sung cho Thành phố để thực hiện các hoạt động phòng chống HIV/AIDS sẽ giảm nhiều so với giai đoạn 2008 - 2015. Theo đó, dự kiến, ngân sách Trung ương sẽ đảm bảo một phần kinh phí cho các hoạt động của Đề án thông qua Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên cơ sở số kinh phí thực tế đã bố trí cho thành phố Hà Nội năm 2016.

- Nguồn viện trợ quốc tế: Giai đoạn 2017 - 2018, kinh phí được bố trí căn cứ trên kế hoạch kinh phí cho các hoạt động: Dự phòng, chăm sóc điều trị, tăng cường năng lực và theo dõi giám sát đã được ký kết giữa các nhà tài trợ và Ban quản lý các dự án phòng chống HIV/AIDS đang triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội. Giai đoạn 2019 - 2020, kinh phí được xây dựng trên cơ sở kết quả thực tế huy động trong các năm qua, dự kiến khả năng có thể huy động được từ các dự án mới và phân đầu đạt được mục tiêu tổng nguồn huy động viện trợ quốc tế giai đoạn 2018 - 2020 đạt được khoảng 20% tổng kinh phí theo Kế hoạch đề ra.

- Nguồn Bảo hiểm y tế: Được tính toán trên cơ sở dự kiến số người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ điều trị HIV/AIDS được Bảo hiểm y tế chi trả với tỷ lệ tăng dần qua các năm và mục tiêu đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100% số người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ điều trị HIV/AIDS.

- Nguồn từ người dân tự chi trả: Được tính toán trên cơ sở kinh phí người dân phải chi trả cho các hoạt động dự phòng (đối với những đối tượng điều trị Methadone không được ngân sách nhà nước đảm bảo và hỗ trợ kinh phí) và kinh

¹ Ví dụ: Chi phí can thiệp giảm tác hại cho nhóm nghiện chích ma túy năm 2017 là 1.207.000 đồng/người/năm, tỷ lệ lạm phát 5%, Số lượng người nghiện chích ma túy năm 2018 là 12.402, độ bao phủ năm 2018 là 80%. Như vậy, Ước tính kinh phí tiếp cận cộng đồng cho nhóm nghiện chích ma túy năm 2018 (đề án dự phòng) là: 1.207.000 x 1,05 x 12.402 x 80% = 12.574.000 đồng

phí chăm sóc, điều trị HIV/AIDS (phần kinh phí đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải đồng chi trả và các đối tượng chưa tham gia bảo hiểm y tế).

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp: Được tính toán trên cơ sở kinh phí doanh nghiệp có khả năng hỗ trợ cho các hoạt động dự phòng (truyền thông, tư vấn xét nghiệm...), phân đầu đạt 15% tổng nhu cầu kinh phí cho hoạt động dự phòng.

- Nguồn ngân sách Thành phố: Ngoài nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn huy động nêu trên, ngân sách Thành phố sẽ bố trí kinh phí để đảm bảo các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018 - 2020 (hoạt động dự phòng: kinh phí điều trị Methadone cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đảm bảo, các hoạt động dự phòng khác, kinh phí tăng cường năng lực và theo dõi, giám sát, đánh giá) trên cơ sở kinh phí đã bố trí cho giai đoạn 2008 - 2017 và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của đề án đã được duyệt.

4. Kinh phí thực hiện Đề án

Nhu cầu kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS được xác định trên cơ sở tính toán hoạt động cụ thể của từng đề án, nhân với độ bao phủ của các hoạt động và mức lạm phát khoảng 5% mỗi năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại văn bản số 999/HD-BYT ngày 18/12/2013.

Tổng kinh phí dự kiến cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020 là 488.566 triệu đồng, cụ thể:

- Đề án Dự phòng lây nhiễm HIV:	195.009 triệu đồng.
- Đề án Chăm sóc và điều trị toàn diện HIV/AIDS:	266.265 triệu đồng.
- Đề án Tăng cường năng lực:	21.621 triệu đồng.
- Đề án Theo dõi, giám sát và đánh giá:	5.671 triệu đồng.
Trong đó:	
- Ngân sách Trung ương:	1.426 triệu đồng.
- Ngân sách Thành phố:	76.141 triệu đồng.
- Viện trợ quốc tế:	134.440 triệu đồng.
- Bảo hiểm Y tế:	116.510 triệu đồng.
- Doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác:	36.322 triệu đồng.
- Người dân tự chi trả:	123.727 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phương án đảm bảo tài chính đính kèm)

VI. Thời gian đề nghị HĐND Thành phố xem xét, thông qua

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 5 HĐND Thành phố khóa XV và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

V. Tổ chức thực hiện

UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện triển khai thi hành và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND, các tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

VII. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

Để đảm bảo Nghị quyết được thi hành kịp thời và phù hợp các quy định pháp luật, hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố hiệu quả, ổn định, Nghị quyết cần được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, UBND Thành phố và các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, kịp thời các quy định của Nghị quyết đến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn Thành phố thực hiện.

Để tăng cường thi hành Nghị quyết đúng quy định, cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết; trong đó, quy định cụ thể hoạt động giám sát của HĐND Thành phố, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của UBND Thành phố.

Trên đây là Bản thuyết minh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại Thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020” thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. UBND Thành phố kính báo cáo, xin ý kiến HĐND Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH
CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2018 – 2020

(Kèm theo Tờ trình số 177/ TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2018- 2020	Giải trình
I	Tổng nhu cầu kinh phí cần đáp ứng	138.749	164.770	185.047	488.566	
1	Dự phòng	61.142	64.878	68.989	195.009	
1.1	Thông tin, giáo dục truyền thông (bao gồm tổ chức các sự kiện nhân tháng hành động quốc gia PC HIV/AIDS, tháng lây truyền mẹ con, truyền truyền trên báo, đài truyền hình...)	2.804	2.959	3.119	8.882	Kinh phí tính toán dựa trên nội dung của từng hoạt động. Tập trung kinh phí cho các hoạt động truyền thông trên truyền hình Hà Nội và tổ chức 2 sự kiện gồm: tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS (từ 10/11 đến 10/12 hàng năm) và tháng dự phòng lây truyền mẹ sang con (tháng 6 hàng năm). Chi tiết tại phụ lục 1.1

1.2	Tư vấn, xét nghiệm HIV (bao gồm chi phí xét nghiệm HIV cho khách hàng và duy trì phòng tư vấn xét nghiệm)	2.064	2.832	3.828	8.724	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người sử dụng dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV theo từng năm nhân với chi phí của từng dịch vụ, cụ thể: + Năm 2018= (25760 người âm tính với HIV x 75.000đ/người) + (1007 người dương tính với HIV x 187.000đ/người) + Năm 2019= (33856 người âm tính với HIV x 79.000đ/người) + (1058 người dương tính với HIV x 196.000đ/người) + Năm 2020= (43801 người âm tính với HIV x 83.000đ/người) + (1110 người dương tính với HIV x 206.000đ/người). <i>Chi tiết theo phụ lục 1.2</i>
1.3	Can thiệp cho nhóm nghiện chích ma túy	11.655	12.237	12.849	36.741	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người nghiện chích ma túy được quản lý theo từng năm nhân với chi tiêu can thiệp cho nhóm nghiện chích ma túy nhân với chi phí dịch vụ can thiệp cho 1 người chích ma túy/năm, cụ thể: + Năm 2018= 12100 người x 80% x 1.204.000đ/người/năm + Năm 2019= 12.100 người x 80% x 1.264.000đ/người/năm + Năm 2020= 12.100 người x 80% x 1.327.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 1.3</i> * Giải thích: Kinh phí cho hoạt động can thiệp cho nhóm người nghiện chích bao gồm: chi phí cho đồng đảng viên tiếp cận đối tượng nghiện chích ma túy giới thiệu đi xét nghiệm HIV, cấp phát bơm kim tiêm, tài liệu truyền thông cho người nghiện chích ma túy, tập huấn cho đồng đảng viên, dụng cụ phục vụ hoạt động can thiệp...

1.4	Can thiệp cho gái mại dâm và nam đồng tính (bao gồm chi phí cho đồng đẳng viên tiếp cận đối tượng gái mại dâm và nam đồng tính đi xét nghiệm HIV, cấp phát bao cao su, chất bôi trơn, tài liệu truyền thông...)	4.812	5.053	5.306	15.171	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng gái mại dâm (PNMD) và nam đồng tính (MSM) ước tính nhân với chi tiêu cần can thiệp cho nhóm gái mại dâm và nam đồng tính nhân với chi phí dịch vụ can thiệp cho 1 người gái mại dâm và nam đồng tính/năm, cụ thể: - Năm 2018=3000 PNMD x 65% x 1124.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 618.000đ/người/năm - Năm 2019=3000 PNMD x 65% x 1.180.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 649.000đ/người/năm - Năm 2020=3000 PNMD x 65% x 1.239.000đ/người/năm + 6524 MSM x 65% x 681.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 1.3</i>
1.5	Kinh phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone (bao gồm chi phí mua thuốc và vận hành cơ sở điều trị)	39.807	41.797	43.887	125.491	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người cần điều trị Methadone mỗi năm nhân với chi phí cho 1 người điều trị Methadone/năm nhân. - Năm 2018=6500 người x 6.124.100 đồng/người/năm - Năm 2019=6500 người x 6.430.310 đồng/người/năm - Năm 2020=6500 người x 6.751.820 đồng/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục số 1.4</i>
2	Chăm sóc điều trị	70.263	90.402	105.600	266.265	

2.1	Điều trị người nhiễm HIV/AIDS (ART) (bao gồm thuốc ARV, thuốc nhiễm trùng cơ hội, xét nghiệm theo dõi điều trị, tập huấn cho hệ thống chăm sóc điều trị HIV/AIDS)	59.594	78.365	91.555	229.514	* Kinh phí tính toán dựa trên số lượng người sử dụng dịch vụ điều trị ARV theo từng phác đồ theo từng năm nhân với chi phí dịch vụ theo từng phác đồ, cụ thể: - Năm 2018= 8082 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 4.555.000đ/người/năm + 580 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 19.990.000 đ/người/năm + 62 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 6.850.000 đ/người + 16 Trẻ em điều trị ART bậc 2 x 26.095.000đ/người+ 8.733 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác - Năm 2019 = 9839 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 4.783.000đ/người/năm + 794 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 20.990.000 đ/người/năm + 85 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 7.193.000 đ/người + 25 trẻ em điều trị ART bậc 2 x 27.400.000đ/người+ 11504 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác - Năm 2020 = 11126 Người lớn điều trị ART bậc 1 x 5.022.000đ/người/năm + 900 Người lớn điều trị ART bậc 2 x 22.039.000 đ/người/năm + 110 Trẻ em điều trị ART bậc 1 x 7.552.000 đ/người + 30 Trẻ em điều trị ART bậc 2 x 28.770.000đ/người+ 12008 người được xét nghiệm tải lượng vi rút x 928.000đ/mẫu + chi phí khác <i>Chi tiết theo phụ lục 2.1</i>
-----	---	--------	--------	--------	---------	--

2.2	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	10.557	11.919	13.921	36.397	* Kinh phí tính toán dựa trên số phụ nữ mang thai (PNMT) và phụ nữ mang thai nhiễm HIV sử dụng dịch vụ theo từng năm nhân với chi phí của từng dịch vụ, cụ thể: - Năm 2018= 139.230 PNMT x 71.700đ/PNMT/năm + 87 PNMT nhiễm HIV x 6.587.000đ/người/năm - Năm 2019= 149.940 PNMT x 75.300đ/PNMT/năm + 91 PNMT nhiễm HIV x 6.916.000đ/người/năm - Năm 2020= 167.276 PNMT x 79.000đ/PNMT/năm + 96 PNMT nhiễm HIV x 7.262.000đ/người/năm <i>Chi tiết theo phụ lục 2.2</i> * Giải thích: Dịch vụ cho PNMT gồm: XN HIV, TV HIV và tư vấn dự phòng lây truyền mẹ con; Dịch vụ cho PNMT nhiễm HIV: XN khẳng định HIV, thuốc ARV cho mẹ và con, XN PCR cho con, sữa...
2.3	Điều trị Lao/HIV	112	118	124	354	* Kinh phí tính toán dựa trên số bệnh nhân cần điều trị lao HIV theo từng năm với chi phí cho 1 người điều trị dự phòng lao/HIV, cụ thể: - Năm 2018= 150 người cần điều trị lao/HIV x 453.000đ/người/năm + chi phí khác - Năm 2019= 150 người cần điều trị lao/HIV x 476.000đ/người/năm + chi phí khác - Năm 2020= 150 người cần điều trị lao/HIV x 499.000đ/người/năm + chi phí khác <i>Chi tiết theo phụ lục 2.3</i> * Giải thích: Kinh phí bao gồm: Công khám, chụp XQ phổi, Soi đờm tìm BK, Nuôi cấy định danh. Chi tính trên số lượng người vừa bị nhiễm HIV và bị nhiễm lao

3	Tăng cường năng lực (bao gồm: Tăng cường năng lực cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật (Tập huấn cho các đơn vị về lập kế hoạch, xác định nhu cầu thuốc điều trị ARV, methadone...; mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV); Tăng cường Năng lực tổ chức, điều hành và phân tích chính sách (gồm giao ban, kiểm tra giám sát, khen thưởng BCD...); Tăng cường năng lực đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược (VPP, tài liệu, xăng xe phục vụ chương trình, hội nghị hội thảo huy động nguồn lực); tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực phòng, chống HIV/AIDS (bao gồm các hoạt động đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo về nguồn nhân lực)	5.545	7.601	8.475	21.621	Kinh phí được tính toán theo từng hoạt động cụ thể theo từng năm: Năm 2018= 6555 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... Năm 2019= 9839 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... Năm 2020= 11126 người nhiễm cần được mua thẻ x 702.000đ/người/năm + các hoạt động đào tạo, tập huấn, quản lý điều hành của chương trình... <i>Chi tiết theo phụ lục 3</i>
4	Theo dõi giám sát (bao gồm các hoạt động giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm, giám sát trọng điểm lồng ghép hành vi, theo dõi và đánh giá...)	1.799	1.889	1.983	5.671	Kinh phí tính toán theo từng hoạt động cụ thể của từng năm. <i>Chi tiết theo phụ lục 4</i>
II	Kinh phí có khả năng bố trí và huy động	138.749	164.770	185.047	488.566	

1	NSNN Trung ương	453	474	499	1.426	Ngân sách Trung ương sẽ đảm bảo một phần kinh phí cho các hoạt động của Đề án thông qua Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên cơ sở số kinh phí thực tế đã bố trí cho Thành phố Hà Nội năm 2016.
	Dự phòng	189	198	208	595	
	Chăm sóc điều trị	196	205	216	617	
	Theo dõi giám sát	68	71	75	214	
2	Ngân sách địa phương	22.173	25.937	28.031	76.141	Ngoài nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn huy động nêu trên, ngân sách Thành phố sẽ bố trí kinh phí để đảm bảo các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2018-2020 trên cơ sở kinh phí đã bố trí cho giai đoạn 2008-2017 và khả năng cân đối ngân sách.
	Dự phòng	18.553	21.195	22.855	62.603	Chi mua thuốc Methadone, chi phí dịch vụ điều trị Methadone cho các đối tượng được ngân sách đảm bảo kinh phí, chi cho hoạt động truyền thông và một phần các hoạt động can thiệp và tư vấn xét nghiệm
	Chăm sóc điều trị	732	1.532	1.756	4.020	Chi cho đào tạo, tập huấn, giao ban, kiểm tra giám sát... chương trình chăm sóc điều trị
	Tăng cường năng lực	1.404	1.651	1.784	4.839	Chi mua thẻ BHYT bệnh nhân HIV/AIDS thuộc các đối tượng chính sách được nhà nước hỗ trợ mua thẻ, VPP, tài liệu, xăng xe phục vụ chương trình và đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo ...

	Theo dõi giám sát	1.484	1.559	1.636	4.679	Chi thực hiện giám sát phát hiện HIV, giám sát trọng điểm
3	Viện trợ quốc tế	62.377	35.061	37.002	134.440	Kinh phí được bố trí căn cứ trên kế hoạch kinh phí cho các hoạt động: dự phòng, chăm sóc điều trị, tăng cường năng lực và theo dõi giám sát đã được ký kết giữa các nhà tài trợ và Ban quản lý các dự án phòng chống HIV/AIDS đang triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội (Kinh phí đã cam kết của dự án quỹ toàn cầu giai đoạn 2018-2020 và chương trình PEPFAR hết năm 2018)
	Dự phòng	17.411	14.823	15.800	48.034	
	Chăm sóc điều trị	44.966	20.238	21.202	86.406	
4	Bảo hiểm y tế	12.650	46.965	56.895	116.510	
	Chăm sóc điều trị	12.650	46.965	56.895	116.510	Căn cứ vào số lượng bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế sử dụng dịch vụ chăm sóc và điều trị HIV/AIDS theo từng năm được bảo hiểm y tế chi trả theo quy định
5	Doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác	6.044	14.015	16.263	36.322	
	Chăm sóc điều trị	1.656	7.806	9.300	18.762	Hỗ trợ đồng chi trả 20% thuốc ARV cho bệnh nhân điều trị thông qua quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS

	Tăng cường năng lực	4.141	5.950	6.691	16.782	Hỗ trợ mua thẻ cho bệnh nhân HIV/AIDS không thuộc diện nhà nước hỗ trợ thông qua quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS
	Theo dõi giám sát	247	259	272	778	Hỗ trợ triển khai GSTĐ STI và GSTĐ lồng ghép hành vi từ viện VSDT TW và bệnh viện da liễu TW
6	Người dân tự chi trả	35.052	42.318	46.357	123.727	
	Dự phòng	24.989	28.662	30.126	83.777	Được tính toán trên cơ sở bệnh nhân điều trị Methadone phải chi trả phí dịch vụ khi tham gia điều trị tại các cơ sở Methadone và các dịch vụ tiếp thị xã hội bao cao su, bơm kim tiêm và tư vấn xét nghiệm HIV
	Chăm sóc điều trị	10.063	13.656	16.231	39.950	Được tính toán trên cơ sở bệnh nhân HIV/AIDS tham gia điều trị HIV/AIDS phải đồng chi trả các dịch vụ chăm sóc điều trị HIV/AIDS ngoài mức quy định của BHYT